TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/ HNGĐ – ST
Ngày: 25/4/2019.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thanh Hiền.
2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: " *Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 09/2019/TB-XX ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T - sinh năm 1965.

ĐKNKTT: Tổ 14, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hoàng Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

***- Bị đơn*:** Chị Trần Thị Lan H - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 14, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2018; bản tự khai;các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị Lan H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu .Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T đã bỏ về thị trấn A,

huyện A, tỉnh Hưng Yên và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị H. Do đường xá xa xôi đi lại khó khăn và điều kiện công việc nên tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Về con chung: Tôi và chị Trần Thị Lan H có 01 con chung là cháu Vũ Tú L, sinh ngày 10/9/1994. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần chị Trần Thị Lan H nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Vũ Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: " Ly hôn" giữa anh Vũ Văn T và chị Trần Thị Lan H trú tại: Tổ 14, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Nguyên đơn anh Vũ Văn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Lan H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Trần Thị Lan H có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, cách sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị H.

[3]. Về con chung: Anh Vũ Văn T và chị Trần Thị Lan H có 01 con chung là cháu Vũ Tú L, sinh ngày 10/9/1994, hiện cháu L đã trưởng thành, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Trần Thị Lan H.

2. ***Về án phí:*** Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/00002100 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

3. ***Về quyền kháng cáo***: Anh Vũ Văn T, chị Trần Thị Lan H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Y;
- Các đương sự;
-UBND phường H;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hòa